

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất DẦU THỦY LỰC		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Số CAS: 64742-54-7 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):		
I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP		
- Tên thường gọi của chất: DẦU THỦY LỰC	Mã sản phẩm (nếu có) LA67032(32AW), LA67046(46AW) LA67068 (68AW) LA67100 (100AW) LA67150 (150AW)	
- Tên thương mại: DẦU THỦY LỰC		
- Tên khác (không là tên khoa học):		
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH DẦU NHỚT NĂNG ĐÔNG PHƯƠNG 90 đường số 6, KP3, P.Linh Xuân, Q.Thủ Đức,TPHCM		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH DẦU NHỚT NĂNG ĐÔNG PHƯƠNG 90 đường số 6, KP3, P.Linh Xuân, Q.Thủ Đức,TPHCM ĐT: 08.37241711 Fax:08.37241712
Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Lubricants Business Division, CPC Corporation, Taiwan 6F, 15, Cheng Kung 2 nd RD, Chen –Zerng District, Kao Hsiung,806, Taiwan, R.O.C Tel:886-7-5361510		
- Mục đích sử dụng: Dùng để bôi trơn cho các hệ thống thủy lực		
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT		
Tên thành phần nguy hại	Chỉ số CAS	% by Vol
Dầu cơ bản loại sáp (paraffinic Distillate)	64742-54-7	99.0 -99.5%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT		
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)		
2. Cảnh báo nguy hiểm - Dầu thủy lực là sản phẩm khó cháy nổ khi tiếp xúc với ngọn lửa trần ở nhiệt độ bình thường		

<p>Mức độ nguy hại lớn hay không là do thời gian tiếp xúc dài hay ngắn quyết định, liều lượng tiếp xúc và biện pháp xử lý có triệt để và thời gian cấp cứu nhanh như thế nào</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Để nơi khô ráo thoáng mát - Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc: Không có thông tin <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt; Có thể bị kích thích - Đường thở; ở nhiệt độ cao hít vào sẽ dẫn đến đau đầu, hoa mắt, chóng mặt nôn mửa, tiêu hóa thất thường, ho, đau mũi, đau cổ họng, đau ngực. - Đường da; có thể bị mẩn đỏ, sưng tấy - Đường tiêu hóa; sẽ xảy ra kích thích và tiêu hóa không bình thường, tiêu chảy. - Đường tiết sữa. không có thông tin
<p style="text-align: center;">IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ</p> <p>1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Lập tức lật phía trên mí mắt ra rửa cho thật sạch dưới vòi nước hoặc bình rửa mắt. Nếu vẫn thấy đau thì đưa đến bác sỹ khoa mắt để điều trị</p> <p>2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Dùng xà phòng và nước sạch rửa sạch (15- 20 phút). Trường hợp vùng da bị dị ứng hoặc bị tổn thương thì đưa đến bệnh viện điều trị</p> <p>3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân ra nơi an toàn có không khí mát mẻ, dùng bình oxy hoặc thiết bị tương tự thực hiện biện pháp hô hấp cho công nhân. Nếu tình trạng không cải thiện thì lập tức đưa tới bệnh viện.</p> <p>4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Nếu lỡ nuốt loại dầu này rồi hãy cho uống 2 ly nước. Nếu thấy xảy ra tình trạng nôn mửa, hãy giữ người bị nạn trong tư thế đầu thấp hơn cánh tay giúp cho người bị nạn hô hấp, lập tức đưa đến bệnh viện điều trị</p> <p>5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) : không có tư liệu</p>
<p style="text-align: center;">V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN</p> <p>1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...) Loại dầu này là sản phẩm khó cháy.</p> <p>2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Thông thường lửa cháy sẽ sản sinh ra khí carbon dioxide, hơi nước và Nitrogen oxide, chưa đốt hoàn toàn có thể phát sinh carbon monoxide. Vật hỗn hợp hơi nước và không khí cao hơn điểm chớp lửa có thể gây hỏa hoạn</p> <p>3. Các tác nhân gây cháy, nổ :Lửa trần nhiệt độ cao, các chất oxy hóa mạnh</p> <p>4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác</p> <p>Dùng bột khô (ABC hoặc BC) , carbon dioxide, hỏa hoạn lớn dùng bột hoặc sử dụng số lượng tương</p>

<p>lớn để chữa lửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm ngưng rò rỉ dầu, cách ly tất cả nguồn lửa trong khu rò rỉ. Nếu không có khả năng xảy ra nguy hiểm, vào trong khu hỏa hoạn di dời đồ chứa. Dùng sương nước làm nguội đồ chứa ở lân cận khu hỏa hoạn cho đến khi lửa bị dập tắt. Chú ý khi phun nước đứng xa bồn chứa. - Chú ý vật liệu dầu này dễ phản ứng mạnh với chất oxy hóa - Cố gắng sử dụng thiết bị chữa lửa tự động hoặc cố định để chữa lửa. Nhân viên tránh vào khu hỏa hoạn. - Nếu bên ngoài khu rò rỉ chưa xảy ra cháy thì dùng sương nước để phân tán khí bốc hơi và bảo vệ an toàn cho nhân viên phòng chống rò rỉ vật chất. Không được phun trực tiếp vào bề mặt dầu rò rỉ. <p>5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:</p> <p>Phương tiện chữa cháy: Thiết bị chữa cháy cố định, xe ô tô chữa cháy xe đẩy bột, bình khí CO₂, cát</p> <p>Nhân viên cứu hỏa cần phải mang thiết bị phòng hộ và bình hô hấp. Chữa cháy ở hướng đầu gió</p> <p>6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)</p>
<p>VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</p> <p>1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Dùng hạt cát hoặc những vật liệu không dễ bốc cháy thấm hút dầu.</p> <p>Tập hợp lại lượng dầu bị dẩy ra ngoài vào trong một vật đựng thích hợp</p> <p>2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Xây đê để xử lý</p> <p>Nếu có thể di dời vùng đất bị ô nhiễm. Đối với việc xử lý một khối lượng lớn dầu tràn ra, xử lý theo trình tự, biện pháp chính lý ô nhiễm nước dưới lòng đất và thổ nhưỡng.</p>
<p>VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ</p> <p>1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm</p> <p>Không hút dầu bằng miệng. Sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tiếp xúc. Rửa tay và vệ sinh sạch sẽ sau khi làm việc</p> <p>2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)</p> <p>Bồn chứa và nơi làm việc phải phù hợp với quy định pháp quy hiện hành</p> <p>Bảo trữ nơi thoáng mát, khô khan và thông gió tốt</p> <p>Vật đựng và đường ống bảo hộ không được bị va đập hoặc hư hại, cách xa vật dễ cháy</p> <p>Cất giữ trong vật đựng phải an toàn đúng quy định</p> <p>Khi không sử dụng vật đựng nữa nên đậy lại đồng thời giữ gìn cẩn thận</p> <p>Những vật chất không cùng loại thì phân ra để bảo quản</p>
<p>VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</p> <p>1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết</p> <p>Không có tư liệu</p> <p>2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc</p>

- Bảo vệ mắt; không được để dầu bắn vào mắt, mang kính phòng hộ. Tại khu vực làm việc gần đó cung cấp thiết bị rửa mắt khẩn cấp
- Bảo vệ thân thể; mặc quần áo bảo hộ lao động
- Bảo vệ tay; đeo găng tay khi làm việc
- Bảo vệ chân.: không có

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Người làm công tác ứng cứu sự cố tràn dầu, cứu hỏa phải được trang bị kiến thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, các phương tiện và thiết bị chuyên dụng khi tiếp cận và giải quyết sự cố.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

Rửa tay bằng xà phòng và vệ sinh cá nhân sau khi tiếp xúc với dầu

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Số hiệu	32AW	46AW	68AW	100AW	150AW
Tỷ trọng API, 15.6 °C	30.6	29.9	29.1	28.2	27.4
Độ nhớt động học, cSt@ 40 °C	31.50	45.60	67.8	99.8	149.5
@ 100 °C	5.45	6.90	8.92	11.22	14.70
Chỉ số độ nhớt	108	107	105	98	97
Điểm đông đặc °C	-33	-30	-30	-15	-15
Điểm chớp cháy, COC, °C	218	224	241	262	260
Màu D1500	L1.0	L1.5	L2.0	L2.0	L2.5
TAN, mg KOH/g	0.64	0.64	0.64	0.64	0.65
Cặn Cacbon, Rams., %	0.26	0.26	0.28	0.30	0.34
Nhũ hóa, 54 °C, 40-40-0, phút	10	15	20	20	20
Ký hiệu sản phẩm	LA67032	LA67046	LA67068	LA67100	LA67150

Trạng thái vật lý : Chất lỏng Hình dáng :chất lỏng màu vàng đến nâu

Màu : vàng đến nâu Mùi : không có mùi đặc trưng

Trị PH : không thích hợp Điểm sôi/phạm vi điểm sôi : không có tài liệu

Nhiệt độ phân giải :không có Điểm chớp lửa : Phương pháp thử nghiệm: tài liệu mở ly.
244°C (471°F) (32AW); 250°C (482°F) (46AW)
256°C (492°F) (68AW); 262°C (503°F) (100AW)
265°C (509°F) (150AW).

Nhiệt độ tự cháy :không có tài liệu Giới hạn nổ :không thích hợp

Áp suất hơi nước : không thích hợp Mật độ hơi nước : không thích hợp

Mật độ : 0.8573-0.8905 g/cm³@60F Độ tan : không tan trong nước

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định

- Ổn định trong các điều kiện sử dụng và lưu trữ ở nhiệt độ và áp suất thường
- Tránh tất cả các nguồn lửa trần, những vật dụng nạp không tương đồng, các tác nhân oxy hóa mạnh, axit

2. Khả năng phản ứng:

- Không xảy ra phản ứng hỗn hợp:
 - +Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy
 - + Các phản ứng nguy hiểm
 - + Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung

+ Phản ứng trùng hợp - Chất phân giải nguy hại: cacbon oxit, sunfua và các chất hữu cơ bốc hơi						
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH						
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử		
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép...	mg/ m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...		
Thành phần 2 (nếu có)	Không có tư liệu					
Thành phần 3 (nếu có)						
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...) không có tư liệu 2. Các ảnh hưởng độc khác						
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI						
1. Độc tính với sinh vật						
Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng		Kết quả		
Thành phần 1		Không có tư liệu				
Thành phần 2 (nếu có)						
...						
2. Tác động trong môi trường Tư liệu không có: + Mức độ phân hủy sinh học + Chỉ số BOD và COD + Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học + Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học						
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ						
Thông tin quy định tiêu hủy : Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy dầu công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường						
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	Không có tư liệu	Vận chuyển bằng đường biển	Không có tư liệu	Nguyên thùng/200L có đóng nắp	Không có tư liệu	Không có tư liệu
--	------------------	----------------------------	------------------	-------------------------------	------------------	------------------

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Không có tư liệu: - Tình trạng khai báo
 - Phân loại nguy hiểm
 - Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 26-6-2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 26-6-2024

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo Lubricants Business Division, CPC Corporation, Taiwan
 6F, 15, Cheng Kung 2nd RD, Chen –Zerng District, Kao Hsiung, 806, Taiwan, R.O.C

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc